BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 07: Từ 09/09 Đến 15/09/2024

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVCT1	62TVĐC10_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 09/09	Sáng	1		Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)							Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					
		2													Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)					
		3																			
		4													Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)					
		5																			
	Chiều	6	Bảo trì các thành phần của hệ thống thiết bị đo lường, điều khiển Lê Kiên Cường (X22.203)		Robot công nghiệp Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Hệ thống máy lạnh thương nghiệp Đặng Duy Thanh (X22.309)	Lập trình điều khiển thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X22.103)	Mài, gia công cắt dây Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)	Phân tích hoạt động kinh doanh Trần Huy Quảng (H3.205)				Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	PLC cơ bản Lê Trung Thịnh (X22.109)		Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)		
		7																			
		8															Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				
		9											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)					Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)		
		10																			
Thứ 3 10/09	Sáng	1		Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)							Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)					
		2																			
		3													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					
		4													Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)					
		5																			
	Chiều	6	Bảo trì các thành phần của hệ thống thiết bị đo lường, điều khiển Lê Kiên Cường (X22.203)	Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Robot công nghiệp Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Hệ thống máy lạnh thương nghiệp Đặng Duy Thanh (X22.309)	Lập trình điều khiển thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X22.103)	Mài, gia công cắt dây Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)					Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)	PLC cơ bản Lê Trung Thịnh (X22.109)		Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)		
		7																			
		8																Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			
		9																			
		10																			
Thứ 4 11/09	Sáng	1		Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)						An toàn mạng Nguyễn Tuấn Hưng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)			Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2-1-1-2024(N01) (...)		
		2																			
		3													Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)					
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Bảo trì các thành phần của hệ thống thiết bị đo lường, điều khiển Lê Kiên Cường (X22.203)	Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Robot công nghiệp Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Hệ thống máy lạnh thương nghiệp Đặng Duy Thanh (X22.309)	Lập trình điều khiển thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X22.103)	Mài, gia công cắt dây Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp IV Lương Thị Hương (H3.207)	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)			Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)	PLC cơ bản Lê Trung Thịnh (X22.109)		Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)		
		7																			
		8																			
		9											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				
		10																			

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVCT1	62TVĐC10_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 12/09	Sáng	1		Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207,Phòng học Điều khiển lập trình)	Robot công nghiệp Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Hệ thống máy lạnh thương nghiệp Đặng Duy Thanh (X22.309)				An toàn mạng Nguyễn Tuấn Hưng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	**LĐ**				
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Bảo trì các thành phần của hệ thống thiết bị đo lường, điều khiển Lê Kiên Cường (X22.203)	Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong (X23.207,Phòng học Điều khiển lập trình)	Robot công nghiệp Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)	Hệ thống máy lạnh thương nghiệp Đặng Duy Thanh (X22.309)	Lập trình điều khiển thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X22.103)	Mài, gia công cắt dây Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp IV Lương Thị Hương (H3.207)	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	PLC cơ bản Lê Trung Thịnh (X22.109)		Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)		
		7											Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)			Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.104)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)		
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 13/09	Sáng	1																			
		2					Lập trình điều khiển thiết bị ngoại vi Phạm Duy Quyết (X22.103)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 3 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)						**LĐ**	**LĐ**		
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Bảo trì các thành phần của hệ thống thiết bị đo lường, điều khiển Lê Kiên Cường (X22.203)							Cấu hình và quản trị thiết bị mạng Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)					PLC cơ bản Lê Trung Thịnh (X22.109)						
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 14/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 07: Từ 09/09 Đến 15/09/2024

LỚP			62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 09/09	Sáng	1	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)											CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh ()	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)		Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Minh Khang (X22.109)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh ()	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	
		2	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	
		3													Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường ()				Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường ()		
		4	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	
		5																			
	Chiều	6			Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)		PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.204)	
		7																			
		8			Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)								Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)			
		9												Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)			
		10			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)															
Thứ 3 10/09	Sáng	1													Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên ()	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)		Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Minh Khang (X22.109)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên ()	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	
		2													Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh ()	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh ()	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	
		3													CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	
		4													Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	
		5														Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	
	Chiều	6	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.406)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)		PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.204)	
		7																			
		8	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)			
		9												Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)			
		10			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)															
Thứ 4 11/09	Sáng	1	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)												Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)		Ktra: PLC cơ bản-1-1-2024(N04) (...)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	
		2																			
		3	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		4	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)																	
		5	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)												Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	
	Chiều	6			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.204)	
		7																			
		8			Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)		
		9													Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)		
		10												Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)			

LỚP			62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 12/09	Sáng	1	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)												Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)		Ktra: Thiết kế mạch bằng máy tính-1-1-2024(N02) (...)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	
		2	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)																	
		3	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		4														CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		5	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)																	
	Chiều	6			Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)		PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.204)
		7			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)		
		8			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)			
		9			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)								Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.406)			Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.406)		
		10																			
Thứ 6 13/09	Sáng	1					Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong ()	Lập trình PLC Trần Thị Thơm ()								HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	HĐTNHN Phạm Thanh Mai (H5.202)	HĐTNHN Phạm Thanh Mai (H5.202)	HĐTNHN Lê Thị Thảo (H5.401)	HĐTNHN Lê Thị Thảo (H5.401)	Lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh ()	Điều khiển điện - khí nén Lỗ Văn Ba ()						HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)	HĐTNHN Lưu Thị Thuý (H5.201)			HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)	HĐTNHN Lưu Thị Thuý (H5.201)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.204)	
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 14/09	Sáng	1					Điều khiển điện - khí nén Đỗ Tiến Phong ()	Lập trình PLC Trần Thị Thơm ()													
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6					Lập trình PLC Nguyễn Duy Thanh ()	Điều khiển điện - khí nén Lỗ Văn Ba ()													
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 07: Từ 09/09 Đến 15/09/2024

LỚP			62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 09/09	Sáng	1												Bán hàng Trần Huy Quảng (H3.205)	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KTXS)			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Lê Ngọc Viện ()
		2																			
		3																CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		
		4																Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)		
		5																	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)		
	Chiều	6			Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)					Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)
		7						Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)							
		8			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.407)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9						Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						
		10			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)								Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)						Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)
Thứ 3 10/09	Sáng	1								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.103)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.103)			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.406)	Ktra: Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi -1-1-2024(N03) Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	
		2								Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.103)					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.103)						
		3								CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)	
		4								Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)						
		5																Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)		Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	
	Chiều	6			Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)					Bán hàng Trần Huy Quảng (H3.206)	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KTXS)				Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)		Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		7																	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)		
		8			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)										Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)		Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)										Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)
		10																			
Thứ 4 11/09	Sáng	1								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)		Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2-1-1-2024(N02) (...)
		2																			
		3								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)			Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.106)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.106)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.407)		
		4								Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		
		5																Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			
	Chiều	6			Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)					Bán hàng Trần Huy Quảng (H3.206)	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KTXS)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)
		7																			
		8			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)										Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)		Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)
		9						Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)										CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)		
		10																	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		

LỚP			62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 12/09	Sáng	1											Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KTXS)			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.104)		
		2											CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền ()	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền ()					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	
		3											Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)			
		4											Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)				Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)	
		5																			
	Chiều	6			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)			Bán hàng Trần Huy Quảng (H3.206)		Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)
		7			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)					Ktra: Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi -1-1-2024(ND4) Lê Hoàng (H3.201_TH KTXS)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)
		8						CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)												
		9			Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)						Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		10			CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)																CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
Thứ 6 13/09	Sáng	1																			
		2				Hàn khí - Hàn tiếp xúc Chu Mạnh Vinh ()	Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()									Sửa chữa máy in Hoàng Tùng ()	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Phùng Ngọc Hùng ()				
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6			HĐTNHN Nguyễn Hoài Anh (H5.402)	Hàn khí - Hàn tiếp xúc Chu Mạnh Vinh ()	Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()	HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Xử lý sự cố phần cứng máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	HĐTNHN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.302)	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.407)	HĐTNHN Nguyễn Hoài Anh (H5.402)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 14/09	Sáng	1																			
		2				Hàn khí - Hàn tiếp xúc Chu Mạnh Vinh ()	Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()									Sửa chữa máy in Hoàng Tùng ()	Sửa chữa máy in Lê Sơn Thảo ()				
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Hàn khí - Hàn tiếp xúc Chu Mạnh Vinh ()	Hàn khí - Hàn tiếp xúc Hồ Sĩ Khương ()									Xử lý sự cố phần cứng máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Sửa chữa máy in Lê Sơn Thảo ()				
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 07: Từ 09/09 Đến 15/09/2024

LỚP			62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 09/09	Sáng	1	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)			Máy điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)			Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)		Nhận xuất hàng Đặng Thị Thu Hà (H3.208)		Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	
		2	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)																	
		3				CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)														
		4	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)														
		5	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)														
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2 Vũ Quang Anh ()					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)		Máy điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)					Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.207)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lệ Thu (H3.203_TH Máy tính)
		7																			
		8						Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.407)													
		9																			
		10						Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)													
Thứ 3 10/09	Sáng	1	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)		Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Máy điện Phan Thị Lý (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)			Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)		Nhận xuất hàng Đặng Thị Thu Hà (H3.208)		Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	
		2	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)																	
		3				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)													
		4	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)				Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)													
		5				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)															
	Chiều	6					Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)			Máy điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)					Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.207)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			
		7					CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)														
		8					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)														
		9					Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)														
		10																			
Thứ 4 11/09	Sáng	1	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)		Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)			Máy điện Phan Thị Lý (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)			Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207)	Nhận xuất hàng Đặng Thị Thu Hà (H3.208)		Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	
		2	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)																	
		3	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)		CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.407)														
		4				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)														
		5				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)															
	Chiều	6	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2-1-1-2024(N03) (...)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 2-1-1-2024(N04) (...)				Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)		Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử cơ bản Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)							Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lệ Thu (H3.203_TH Máy tính)
		7																			
		8						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)													
		9						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)													
		10						Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)													

LỚP			62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 12/09	Sáng	1	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.104)			Máy điện Phan Thị Lý (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Máy điện Nguyễn Anh Đức (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)			Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207)	Nhận xuất hàng Đặng Thị Thu Hà (H3.208)		Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	
		2	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)													
		3				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)															
		4	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)		Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)													
		5																			
	Chiều	6								Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử cơ bản Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)										
		7																Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lệ Thu (H3.203_TH Máy tính)
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 6 13/09	Sáng	1																			
		2				Ktra: Thiết kế đồ họa với Adobe Illustrator -1-1-2024(N01) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)						Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)			Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.207)			Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)		
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.303)		HĐTNHN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.302)	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.407)		Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử cơ bản Trần Văn Kiên (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)				Công nghệ chế tạo máy Đỗ Anh Tuấn (X10.203_PHLT Khoa CK)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Soạn thảo văn bản điện tử Vũ Lệ Thu (H3.203_TH Máy tính)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 14/09	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 07: Từ 09/09 Đến 15/09/2024

LỚP			63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 09/09	Sáng	1		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Nguyễn Trung Tuệ ()				Máy điện Phạm Quang Thắng ()	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.104)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Chí Thành (X22.107)	Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (X22.108)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)															
		7																			
		8	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)															
		9			Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)															
		10	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)																		
Thứ 3 10/09	Sáng	1		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Nguyễn Trung Tuệ ()				Máy điện Phạm Quang Thắng ()	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.104)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Chí Thành (X22.107)	Điện tử cơ bản Phạm Ngọc Ánh (X22.108)		
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)															
		7	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)																		
		8	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)															
		9			Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)															
		10	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)																		
Thứ 4 11/09	Sáng	1		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Nguyễn Trung Tuệ ()				Máy điện Phạm Quang Thắng ()	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.104)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Chí Thành (X22.107)			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)															
		7																			
		8	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)															
		9	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)															
		10			Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)															

LỚP			63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 12/09	Sáng	1		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Nguyễn Trung Tuệ ()				Máy điện Phạm Quang Thắng ()	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X22.104)	Máy điện Triệu Đình Sơn (X22.202)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)				
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)															
		7			CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)															
		8	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)															
		9	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)															
		10																			
Thứ 6 13/09	Sáng	1		Cung cấp điện Ng Hồng Thao (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)			Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Cao Thị Thu ()	Máy điện Nguyễn Trung Tuệ ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()	Máy điện Phan Thị Lý ()		Máy điện Phạm Quang Thắng ()						Tách: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N04) Dương Thanh Huệ (...) Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N05) Đặng Duy Thanh (...)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng ()
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6									Máy điện Nguyễn Anh Đức ()	Máy điện Phan Thị Lý ()								Tách: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N04) Dương Thanh Huệ (...) Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N05) Đặng Duy Thanh (...)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng ()
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 14/09	Sáng	1					Máy điện Nguyễn Bá Thanh ()	Máy điện Nguyễn Thị Hương ()			Máy điện Nguyễn Anh Đức ()	Máy điện Phan Thị Lý ()								Tách: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N04) Dương Thanh Huệ (...) Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N05) Đặng Duy Thanh (...)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng ()
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6									Máy điện Nguyễn Anh Đức ()	Máy điện Phan Thị Lý ()								Tách: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N04) Dương Thanh Huệ (...) Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2024(N05) Đặng Duy Thanh (...)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng ()
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 07: Từ 09/09 Đến 15/09/2024

LỚP			63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 09/09	Sáng	1	Gia công cơ khí bổ trợ Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Tiện Vũ Minh Cường (TT.Tiện-Phay- bào)			Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang (H3.207)	Kế toán doanh nghiệp I Trần Việt Anh (H3.206)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.105)				Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.101)				Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.209.TH Tin học)	Lập trình căn bản Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Ktra: Tiếng anh chuyên ngành-1-1-2024(N07) Vũ Lệ Thu (H3.104)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Phan Hoàng Lan (H2.301_TH LR Máy tính)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		Công nghệ chế tạo máy (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)				Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)		Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	
		7											Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)									
		8	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)								Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	
		9					Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)						Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)									
		10	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)					CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)								CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	
Thứ 3 10/09	Sáng	1		Tiện Vũ Minh Cường (TT.Tiện-Phay- bào)			Kế toán doanh nghiệp I Bùi Thu Trang (H3.207)	Marketing Trần Huy Quảng (H3.206)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.105)				Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.101)	Ktra: Bảo trì máy tính-1-1-2024(N02) Nguyễn Tuấn Hung (H3.111_TH THCB)			Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.209.TH Tin học)	Lập trình căn bản Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kỹ thuật điện – điện tử Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Phan Hoàng Lan (H2.301_TH LR Máy tính)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Công nghệ chế tạo máy (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)		Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	
		7	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)													Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)	
		8	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)				CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			
		9					CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.302)				Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	
		10	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)						CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)									
Thứ 4 11/09	Sáng	1		Tiện Vũ Minh Cường (TT.Tiện-Phay- bào)			Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.205)	Kế toán doanh nghiệp I Trần Việt Anh (H3.105)	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.106)				Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.101)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa (H3.104)			Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.209.TH Tin học)	Lập trình căn bản Lê Thị Châm (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kỹ thuật điện – điện tử Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Phan Hoàng Lan (H2.301_TH LR Máy tính)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)		Công nghệ chế tạo máy (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)				Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)				Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)		Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.301)	
		7											Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)									
		8	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	
		9	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)				Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)							Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	
		10					Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	

LỚP			63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 12/09	Sáng	1		Tiện Vũ Minh Cường (TT.Tiện-Phay- bào)			Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.205)	Kế toán doanh nghiệp I Trần Việt Anh (H3.206)					Lập trình căn bản Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa (H3.104)						Ktra: Lập trình căn bản-1-1-2024(N08) Lê Thị Châm (H3.111_TH THCB)		
		2																				
		3																				
		4																		Ktra: Tiếng anh chuyên ngành-1-1-2024(N08) Lê Thị Châm (H3.111_TH THCB)		
		5																				
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)				Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	
		7															CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	
		8	CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)			
		9	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.304)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.301)	
		10																				
Thứ 6 13/09	Sáng	1	Gia công cơ khí bổ trợ Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Tiện Vũ Minh Cường (TT.Tiện-Phay- bào)		Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()				Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiên ()	Lập trình căn bản Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa (H3.104)	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng ()	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hường ()					Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Lê Thị Châm ()
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Gia công cơ khí bổ trợ Chu Mạnh Hùng ()			Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()				Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiên ()			Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương ()	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hường ()						Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Lê Thị Châm ()
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 14/09	Sáng	1				Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()				Marketing Trần Huy Quảng ()	Marketing Trần Huy Quảng ()	Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiên ()			Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng ()	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa ()						Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu ()
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6				Hàn hồ quang tay Lê Văn Nam ()				Marketing Trần Huy Quảng ()	Marketing Trần Huy Quảng ()	Nhận xuất hàng Đặng Đình Hiên ()			Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương ()	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa ()						Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu ()
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 07: Từ 09/09 Đến 15/09/2024

LỚP			63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 09/09	Sáng	1		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.103)	Ktra: Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2024(N02) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.204.TH KHOA TIN)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)							Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6		Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)									
		7						Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)									
		8		Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)									
		9		Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)									
		10				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)													
Thứ 3 10/09	Sáng	1		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.103)	Photoshop Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KTXS)	An toàn lao động Nguyễn Văn Bảy (X10.204_PHLT Khoa CK)	An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	An toàn điện Đặng Việt Hùng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	An toàn điện Đặng Việt Hùng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6		Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyến (H5.201)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)			Vật liệu điện Chu Quốc Thái (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Vật liệu điện Chu Quốc Thái (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)					
		7				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)									
		8		Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)									
		9		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)									
		10		Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)			Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)									
Thứ 4 11/09	Sáng	1		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.103)	Photoshop Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.204.TH KHOA TIN)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.201_TH KTXS)	Vật liệu cơ khí Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	Vật liệu điện Chu Quốc Thái (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Vật liệu điện Chu Quốc Thái (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)			Vật liệu điện Chu Quốc Thái (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Vật liệu điện Chu Quốc Thái (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)					
		7				Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)												
		8		Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan ()	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan ()			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phượng Nhung (H5.201)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)									
		9		Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)									
		10						Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)			Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)									

LỚP			63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 12/09	Sáng	1			Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Photoshop Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Ktra: Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2024(N03) Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.301_TH LR Máy tính)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	Vật liệu cơ khí Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)			An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6		Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.306)			Vật liệu điện Chu Quốc Thái (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Vật liệu điện Chu Quốc Thái (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)				
		7																		
		8		CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)								
		9		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.306)								
		10																		
Thứ 6 13/09	Sáng	1	Kỹ thuật điện – điện tử Tạ Ngọc Dũng ()		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Ktra: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2-1-1-2024(N03) (...)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.204.TH KHOA TIN)			An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	Vật liệu điện Chu Quốc Thái (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Vật liệu điện Chu Quốc Thái (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Kỹ thuật điện – điện tử Tạ Ngọc Dũng ()																	
		7							Ktra: Tiếng anh chuyên ngành-1-1-2024(N13) Quách Thu Thảo (H3.208)		Ktra: Photoshop-1-1-2024(N04) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	An toàn lao động Nguyễn Văn Bảy (X10.204_PHLT Khoa CK)		Vật liệu điện Chu Quốc Thái (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Vật liệu điện Chu Quốc Thái (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)				
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 14/09	Sáng	1	Tin học văn phòng Nguyễn Thị Hường ()																	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Tin học văn phòng Nguyễn Thị Hường ()																	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 07: Từ 09/09 Đến 15/09/2024

LỚP			64CS1	64CTM1	64CTT1	64CVP1	64TCCT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐH1	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 09/09	Sáng	1			Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)
		2							CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)				Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)		
		3					Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)				Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	
		4					Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)			Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)
		5							Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)					CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	
	Chiều	6					Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Tiến Sỹ (Nhà thi đấu_02)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà ()							Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_03)			
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 10/09	Sáng	1		An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	
		2										Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)						
		3					Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)		CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương ()	
		4					CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)			Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	
		5					Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)						
	Chiều	6	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Tiến Sỹ (Nhà thi đấu_02)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_03)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	An toàn điện Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	An toàn điện Phạm Quang Thắng (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)		Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)					Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 11/09	Sáng	1		An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.402)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	
		2													Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)				
		3					Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)
		4					Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)				Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.304)	
		5					CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)		Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)
	Chiều	6	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.205)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		An toàn điện Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	An toàn điện Phạm Quang Thắng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)		Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)	Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_04)	Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			64CS1	64CTM1	64CTT1	64CVP1	64TCCT1	64TCK1	64TCK2	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐH1	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A
THỨ	**BUỔI**	**TIẾT**																	
Thứ 5 12/09	**Sáng**	1		An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuý (H5.102)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	
		2					Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)
		3						CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)									Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	
		4					HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)
		5								Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)									Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)
	Chiều	6	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)	An toàn điện Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	An toàn điện Phạm Quang Thắng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_03)	Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.103)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_04)	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 6 13/09	**Sáng**	1		An toàn lao động Hoàng Quyết Tiến (X22.303)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.103)					Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.105)	Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_04)				Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2024(N02) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-24(N01) Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)				Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.205)			Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)	An toàn điện Nguyễn Bá Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	An toàn điện Phạm Quang Thắng (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)				Tiếng Anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 14/09	**Sáng**	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 07: Từ 09/09 Đến 15/09/2024

LỚP			64TKT1	64TKT2	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 09/09	Sáng	1	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.102)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)									CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)
		3	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)				Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)		CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)
		5				Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)				Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)		
	Chiều	6	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)	Tách: Tin học-1-1-2024(N34) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Tin học-1-1-24(N12) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Tách: Tin học-1-1-2024(N35) Lê Hoàng (H3.110_TH THCB) Tin học-1-1-24(N13) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)				Tách: Tin học-1-1-2024(N33) Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.203_TH Tin Đại cương) Tin học-1-1-24(N32) Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)					Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_03)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Tiến Sỹ (Nhà thi đấu_02)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà ()	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.104)	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 10/09	Sáng	1	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.104)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.403)
		2		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)			Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)						
		3	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương ()	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.403)
		4	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)			Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)					Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)			Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
	Chiều	6	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang (Nhà thi đấu_01)	Tách: Tin học-1-1-2024(N34) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng) Tin học-1-1-24(N12) Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Tách: Tin học-1-1-2024(N35) Lê Hoàng (H3.110_TH THCB) Tin học-1-1-24(N13) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)			Tách: Tin học-1-1-2024(N33) Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.203_TH Tin Đại cương) Tin học-1-1-24(N32) Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	An toàn và môi trường Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)		An toàn và môi trường Lê Thị Châm (H3.208)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Tiến Sỹ (Nhà thi đấu_02)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_03)	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.104)	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 11/09	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H3.206)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		2			Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)							Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)						
		3	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp ()	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp ()	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.403)
		4	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)			Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)		Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)		Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ái Vân (H5.203)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)			Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		5	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)			Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)				Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)				Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.403)
	Chiều	6	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.205)		Tin học Hoàng Tùng (H3.209.TH Tin học)				An toàn và môi trường Tạ Văn Khoa (H3.204.TH KHOA TIN)	Tách: Tin học-1-1-2024(N33) Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.203_TH Tin Đại cương) Tin học-1-1-24(N32) Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	An toàn và môi trường Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	An toàn và môi trường Nguyễn Tuấn Hưng (H2.301_TH LR Máy tính)	An toàn và môi trường Lê Thị Châm (H3.208)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_04)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			64TKT1	64TKT2	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	**BUỔI**	**TIẾT**																	
Thứ 5 12/09	**Sáng**	1	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)		CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)				Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)		Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		3				Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)				Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp ()	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp ()	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)		
		4	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)
		5					Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)												
	Chiều	6	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_01)		Tin học Hoàng Tùng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	An toàn và môi trường Tạ Văn Khoa (H3.204.TH KHOA TIN)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	An toàn và môi trường Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	An toàn và môi trường Nguyễn Tuấn Hưng (H2.301_TH LR Máy tính)	An toàn và môi trường Lê Thị Châm (H3.208)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_04)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_03)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)
		7																	
		8																	
		9								Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)									
		10																	
Thứ 6 13/09	**Sáng**	1																	
		2													Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_04)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.103)		
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.205)		Tin học Hoàng Tùng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	An toàn và môi trường Tạ Văn Khoa (H3.204.TH KHOA TIN)			An toàn và môi trường Nguyễn Tuấn Hưng (H2.301_TH LR Máy tính)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)					Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 14/09	**Sáng**	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	